

ĐỒ GỐM THỜI KIM KHÍ Ở TIỂU VÙNG SÔNG VÀM CỎ: DIỄN BIẾN LOẠI HÌNH VÀ CÁC QUAN HỆ VĂN HÓA

ĐẶNG NGỌC KÍNH*

Nghiên cứu này xem xét sự thay đổi của loại hình đồ gốm trong các di tích thời kim khí ở lưu vực sông Vàm Cỏ và giải thích mối tương quan giữa quá trình chuyển đổi phong cách, kỹ thuật và các bối cảnh văn hóa. Phân chia loại hình học gắn với trật tự địa tầng cho thấy đồ gốm trong các di tích giai đoạn kim khí (3.000BP - 2.200BP) có tính kế thừa từ các loại nồi miệng loe, nồi khum không cổ, bát đĩa có chân đế của thời đá mới trước đó, đồng thời cho thấy quan hệ nguồn gốc và những giao lưu nội vùng với các di tích tiền sử Nam Bộ. Trong khi, đồ gốm giai đoạn tiền Óc Eo và Óc Eo sớm (2.200BP đến đầu Công nguyên) cho thấy nhiều sự thay đổi trong kỹ thuật và tạo hình, qua các loại gốm mịn, hình dáng quy chuẩn như bình, bát chân cao, ly cốc và nắp đậy, phong cách đồ gốm thời kỳ này có các ảnh hưởng ngoại lai, kết quả của luồng giao lưu văn hóa qua vùng Nam Bộ được mở rộng và tăng cường. Tuy vậy, do vị trí địa lý nằm sâu trong nội địa, vùng Vàm Cỏ đã có đủ sự tĩnh lặng để tiếp biến các yếu tố mới mà vẫn giữ được tính liên tục của phong cách bản địa qua các loại đồ gốm thô và gốm mịn xương đen, những nhân tố nội sinh của tập hợp gốm Óc Eo sau này.

Từ khóa: đồ gốm, thời kim khí, quan hệ văn hóa, tiểu vùng Vàm Cỏ, tiền sử Nam Bộ.
Nhận bài ngày: 6/11/2017; *đưa vào biên tập:* 7/11/2017; *phản biện:* 8/11/2017;
duyet đăng: 26/12/2017

1. GIỚI THIỆU

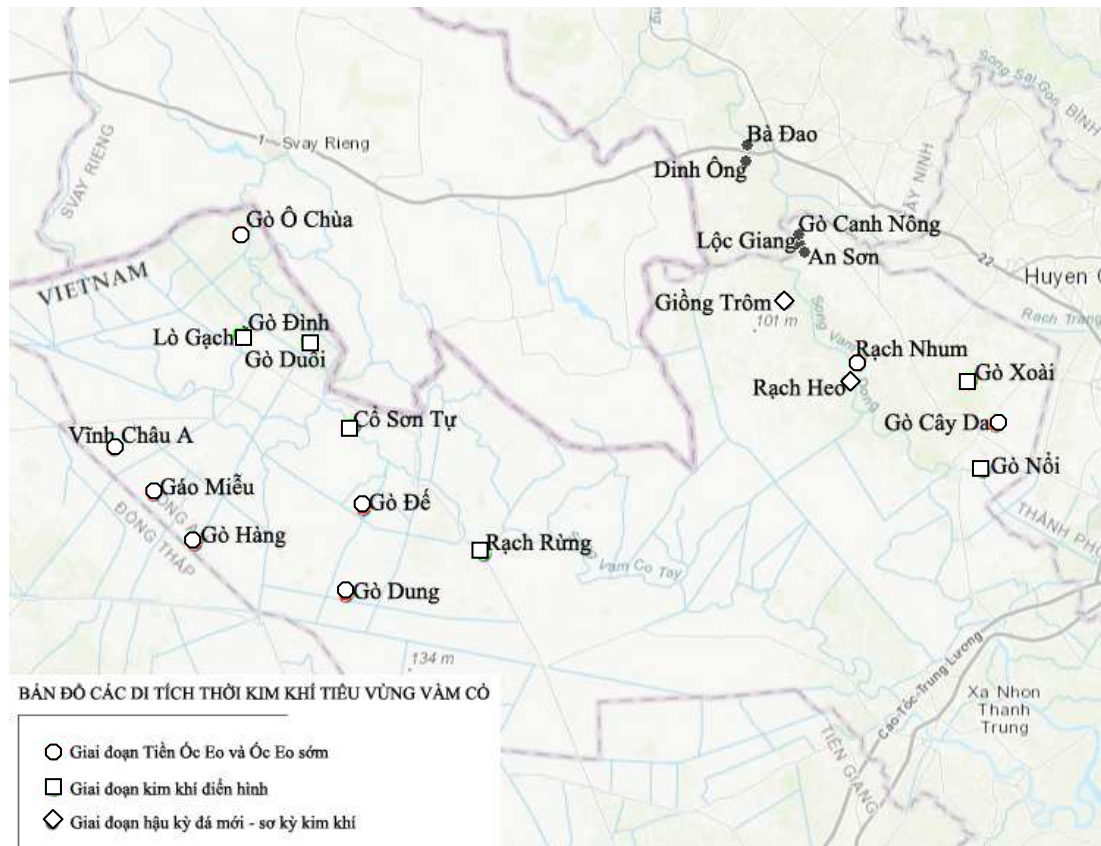
Với vị trí chuyển tiếp giữa vùng đất cao Đông Nam Bộ và đồng bằng thấp Tây Nam Bộ, lại có tuyến đường thủy nối từ nội địa ra đến cửa biển Soài Rạp, lưu vực sông Vàm Cỏ là một trong những tiểu vùng văn hóa quan trọng thời tiền sơ-sử của Nam Bộ. Dọc theo bờ hai con sông Vàm Cỏ Đông và Vàm Cỏ Tây, hàng loạt các di

tích từ thời đá mới đến thời kim khí đã được phát hiện và khai quật, được phân làm ba nhóm chính:

Nhóm thứ nhất phân bố trên địa hình cao Đức Hòa (Long An) và Gò Dầu (Tây Ninh), dọc theo sông Vàm Cỏ Đông, bao gồm các di tích như Dinh Ông, An Sơn, Lộc Giang, Gò Canh Nông, Rạch Heo... Nhóm này có niên đại chủ yếu rơi vào thời đá mới đến sơ kỳ kim khí, trong khoảng 4.500 đến 3.000 năm cách ngày nay.

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Hình 1. Bản đồ phân bố các di tích thời kim khí của tiểu vùng sông Vàm Cỏ



Nguồn: Đặng Ngọc Kính thực hiện trên bản đồ nền: <https://www.arcgis.com>. Truy cập ngày 18/12/2017.

Nhóm di tích thứ hai, chủ yếu phân bố trên các gò đất nổi ở thượng nguồn sông Vàm Cỏ Tây và trung lưu của sông Vàm Cỏ Đông, bao gồm các di tích như Gò Cao Su, Gò Xoài, Gò Đình, Gò Duối, Rạch Rừng, Lò Gạch, Cổ Sơn Tự, Gò Ô Chùa... có niên đại bắt đầu muộn hơn, vào khoảng 2.800 năm cách ngày nay, là giai đoạn kim khí điển hình. Trong khi một vài công cụ đá, mà loại hình đã không còn quy chuẩn tìm thấy ở những lớp sâu nhất của Gò Đình và Lò Gạch có thể là những gì còn sót lại của kỹ thuật thời đá mới, thì các vòng tay bằng đá, dọi

se sợi và các khuôn đúc rìu lưỡi xòe ở Lò Gạch, Cổ Sơn Tự, Rạch Rừng, Gò Cao Su... là bằng chứng chắc chắn của thời kim khí và kỹ thuật luyện kim.

Nhóm thứ ba, bao gồm các di tích Gò Ô Chùa (lớp mộ táng), Gò Hàng, Gò Dung, Gò Đền, Gáo Miếu, Gò Vĩnh Châu A... phân bố chủ yếu ở phía nam sông Vàm Cỏ Tây sâu trong vùng ngập trũng Đồng Tháp Mười, có niên đại muộn hơn, khoảng 200 năm trước Công nguyên đến 200 năm đầu Công nguyên, giai đoạn tiền Óc Eo và Óc Eo sớm. Nhóm di tích này gồm có các di chỉ mộ táng, cư trú, xưởng thủ công.

Hiện vật thu thập được còn có các loại hạt chuỗi bằng thủy tinh, đá quý (agate, carnelian); vàng cám, mảnh vàng, các loại trang sức, bùa đeo, nhiều mảnh gốm thô và mịn, bàn xoa, các thỏi đất nung hình trụ tròn.

Quá trình chuyển dịch, mở rộng từ những di tích đá mới trên vùng đất cao ven sông Vàm Cỏ Đông, đến giai đoạn hậu kỳ kim khí - tiền Óc Eo ở vùng Đồng Tháp Mười ngập nước, có thể coi là một điển hình để nghiên cứu về lịch sử di trú và sự tương tác văn hóa của khu vực Đồng bằng Cửu Long. Tuy vậy, để cung cấp bằng chứng cho các mối quan hệ và sự phát triển liên tục từ tiền sử đến Óc Eo, cần những bằng chứng cụ thể mà các mảnh gốm là một cứ liệu quan trọng.

2. CÁCH TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Gốm là các hiện vật làm bằng đất sét và được nung ngoài trời hoặc trong lò. Nguyên liệu, tạo hình và kỹ thuật nung đơn giản giúp người thợ có thể tạo ra nhiều hình thức và trang trí. Các mảnh gốm, do ít bị hủy hoại, là một trong những phát hiện phổ biến và quan trọng của khảo cổ. Nghiên cứu về đồ gốm thường xoay quanh lý thuyết kỹ thuật, đặc biệt liên quan đến việc tổ chức sản xuất, sự truyền tải văn hóa và sự tương tác giữa các nhóm qua các điểm tương đồng và khác biệt trong một tập hợp.

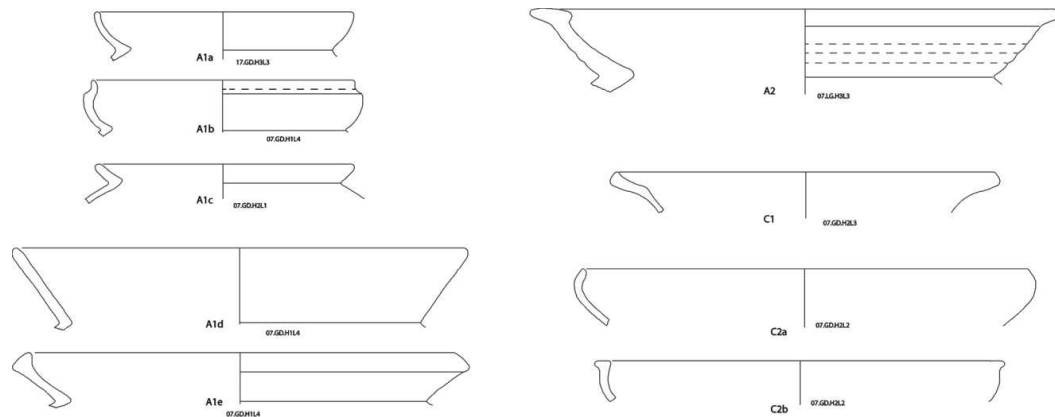
Để phân loại đồ gốm, chúng tôi dùng phương pháp phân chia loại hình, sử dụng bảng phân loại dựa trên nguyên tắc và thuật ngữ của Anna Shepard

(1956) với bốn lớp loại hình miệng A, B, C, D. Lớp A là các mẫu miệng loe, có cổ. Lớp B là loại miệng khum không cổ. Lớp C là miệng hình nón, kiểu bát đĩa. Lớp D là những hiện vật đất nung có dáng ít đối xứng như nắp, cà ràng, bàn xoa... Từ cơ sở đó xác lập và bổ sung những phân nhóm nhỏ hơn qua sự chuyển biến của kiểu miệng, cũng như sự xuất hiện của những loại mới. Trong quá trình tổng hợp, những nhóm có số lượng quá nhỏ hoặc mảnh cá biệt sẽ có thể bị bỏ qua.

Các di tích có số lượng mẫu đại diện không bằng nhau. Một số, chẳng hạn như di tích Lò Gạch, Cổ Sơn Tự và Gò Ô Chùa đã được khai quật và có tài liệu tốt, cũng như có niên đại radiocarbon. Một số di tích khác như Rạch Rừng, Gò Hàng... chỉ cung cấp một số ít mảnh gốm từ các hố thám sát nhỏ hoặc thu lượm trong các cuộc điền dã.

Kết hợp giữa phân loại hình học và địa tầng khảo cổ học cho phép theo dõi sự thay đổi và sự xuất hiện của những loại hình mới. Giả định rằng những đồ tạo tác càng giống nhau thì càng gần nhau về mặt thời gian, cung cấp nền tảng xây dựng niên biểu lịch sử. Sắp xếp thứ tự xuất hiện khác nhau của các kiểu đồ gốm, cho thấy giai đoạn xuất hiện, phổ biến và suy tàn của các tập hợp gốm mang tính kế tiếp nhau, sự xuất hiện của các biến thể mới, đại diện cho những nhánh mới trên cây tiến hóa. Đồng thời, trong quá trình đó, một số thuộc tính

Hình 2: Các loại hình gốm giai đoạn sơ kỳ kim khí (3.000BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

của một truyền thống gốm có thể được mượn từ một truyền thống khác qua quá trình truyền tải theo chiều ngang (Stephen Shennan 2010).

3. DIỄN TIẾN LOẠI HÌNH ĐỒ GỐM

3.1. Giai đoạn sơ kỳ kim khí (3.000 BP)

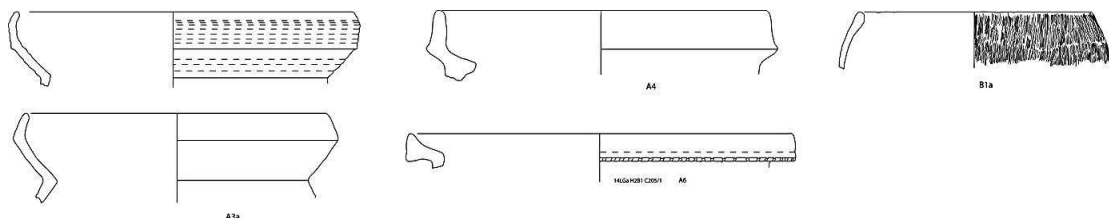
Một đặc trưng chung của đồ gốm ở giai đoạn khởi đầu thời đại kim khí là loại gốm bằng sét pha cát chiếm đa số trong toàn bộ tập hợp và có vẻ gần như không có trang trí. Do có sự liên tục về mặt loại hình, có thể khẳng định gốm từ các địa điểm như Gò Đình, Rạch Heo... có liên hệ trực tiếp từ giai đoạn đá mới ở di tích An Sơn. Nghiên cứu trước đây của Masanari

Nishimura (2002) cho thấy giai đoạn thứ tư (IV) của An Sơn được thể hiện bằng các miệng ấn lõm, trang trí các vết rạch hình tam giác (C1) và các nôi miệng loe, bản miệng dày và có gờ ở mép (A1e và A2). Các biến thể loại hình của An Sơn IV cũng được tìm thấy ở các di tích vùng Đồng Nai như Bình Đa, Đa Kai... và cho thấy trong giai đoạn sơ kỳ kim khí, hai truyền thống Vàm Cỏ và Đồng Nai giữ những mối liên hệ nguồn gốc chặt chẽ.

3.2. Giai đoạn kim khí (3.000BP - 2.200BP)

Loại hình của đồ gốm giai đoạn kim khí về cơ bản cho thấy một sự phát triển liên tục từ thời đá mới. Tuy có

Hình 3: Các loại hình gốm giai đoạn kim khí 1 (3.000BP - 2.800BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

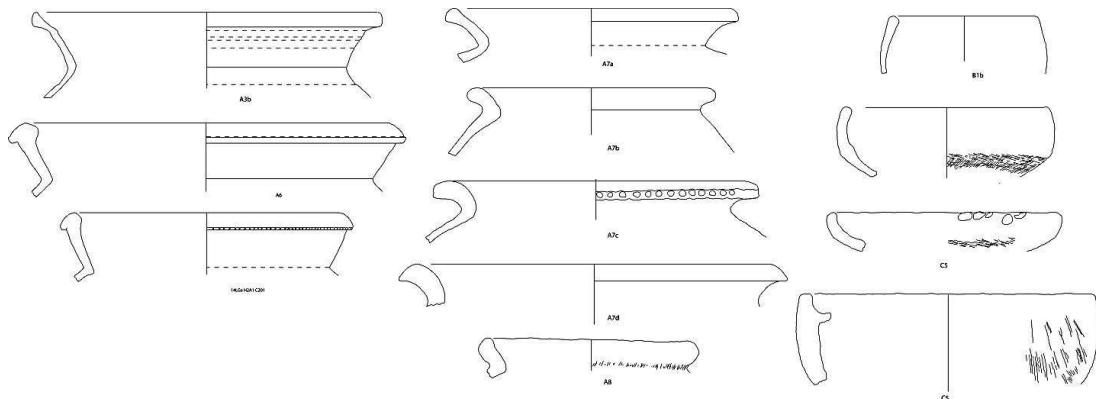
xuất hiện nhiều hơn một số loại đồ đựng lớn, xương gốm dày, nhưng hầu hết kiểu dáng và hoa văn gốm là sự kế thừa liên tục của các loại nôi, bát bông và cách xử lý bề mặt như chải, đập thừng, miết láng và trang trí khắc vạch của giai đoạn trước đó. Loại hình thường gặp là các loại: nôi miệng loe, thân cầu dẹt; bát bông chân thấp; bát nông lòng; các loại bình vò thân hình cầu... hầu hết có liên hệ tiếp nối nhau (cùng một nguồn gốc) với đồ gốm ở các di tích An Sơn, Lộc Giang (Long An), Dinh Ông, Bà Đào (Tây Ninh). Hoa văn trang trí thường gặp là văn khắc vạch tạo bởi que có một hay nhiều răng, trang trí ở phần thân và miệng của đồ gốm với các đồ án kẻ ngang, chữ S kiểu sóng cuộn, tam giác, răng cưa và xoáy tròn hay hình sin, bên trong có các chấm tròn.

Chất liệu gốm ở các di tích được phân chia thành hai loại: gốm thô có xương gốm xốp, nhẹ, pha nhiều cát hạt to và thực vật, màu xám đen thường không có áo gốm, màu sắc chủ yếu là vàng cam, hoặc xám đen, có văn thừng,

chiếm một phần lớn của bộ sưu tập. Loại hình gốm thô thường là các loại đồ đựng lớn với thành miệng rất dày và bát đĩa nông lòng; gốm cứng có xương gốm chắc, pha cát hạt mịn, áo gốm màu xám, xám xanh, vàng hoặc đỏ. Loại này hầu như chỉ xuất hiện ở những lớp sớm, chủ yếu gồm các loại nôi miệng loe, thành miệng và bát bông chân choãi thấp (Masanari Nishimura 2005).

Về diễn biến, các loại gốm kế tiếp sau Gò Đình xuất hiện trong sưu tập của Rạch Rừng và Gò Xoài (3.000BP – 2.800BP). Đặc trưng nhất là kiểu miệng nôi A3a, miệng loe, thành miệng gãy cúp và có nhiều gờ nhẹ bên ngoài, áo ngoài đánh bóng có màu hơi ngả vàng. Chúng là sự tiến hóa trực tiếp từ kiểu nôi miệng loe của giai đoạn đá mới. Loại nôi nhỏ miệng khum, bên ngoài có văn thừng đập (B1a) và miệng vò, phần mép ngoài gấp lại với một số có vết rạch ngắn trên rìa mép, kết hợp với các đường chấm trên bề mặt (A5), cũng phổ biến. Các kiểu gốm tiếp theo được thấy

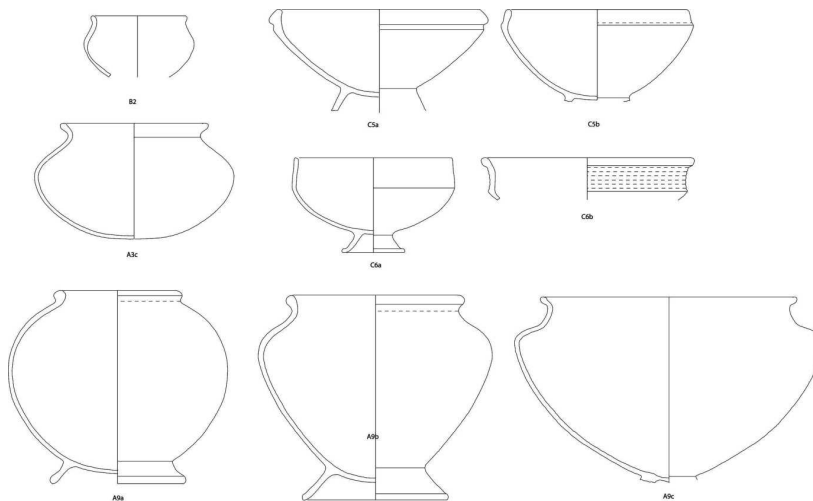
Hình 4. Các loại hình gốm giai đoạn kim khí 2 (2.800BP- 2.400BP)



trong sưu tập của Lò Gạch và Cỏ Sơn Tự (2.800BP - 2.400BP), phổ biến loại hình bát nông lòng (C3 và C4) và bình vò kích cỡ lớn (A7). Đặc trưng nhất là kiểu vò có miệng cuốn tròn, phần mép tràn ra ngoài và một gờ trang trí các vết rạch ngắn hoặc chấm tròn (A6). Loại nôi miệng loe (A3b) tiếp tục tồn tại, với một biến thể ở phần mép bề nhẹ và hơi lõm.

Sưu tập của Gò Ô Chùa lớp cư trú

Hình 5. Các loại hình gốm giai đoạn kim khí 3 (2.400BP - 2.200BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

(2.400BP - 2.200BP) đại diện cho lớp văn hóa tiếp theo của khu vực Vàm Cỏ. Chất liệu hầu hết là gốm cứng, da xám xanh hoặc vàng, bóng, loại hình phổ biến là bát nông lòng, chân đế choãi thấp (C5 và C6); vò lớn, miệng thấp, thân cầu và có chân đế (A9) và các nôi nhỏ cổ thấp, phát triển từ kiểu A3 trước đó (A3c). Hình dạng của chúng vẫn cho thấy một sự kế thừa liên tục với các loại vò có chân đế, bát nông lòng chân thấp và nôi miệng loe của An Sơn.

Mặc dù, bộ sưu tập gốm rất hạn chế hiện vật của các tiểu vùng khác, như vùng hạ lưu sông Đồng Nai và cận biển Đông Nam Bộ cùng thời, có gây khó khăn cho nghiên cứu so sánh chi tiết, thì tổng thể sưu tập của cả ba khu vực cho thấy chúng có chung một nguồn gốc và phát triển các biến thể từ các loại hình nôi miệng loe, bát có chân và chậu thời đá mới. Tính thống nhất tiếp nối trong sự đa dạng địa

phương, nói lên truyền thống bản địa của chúng. Đồng thời, sự không đồng nhất trong loại hình và chất liệu gợi ý về những mô hình sản xuất quy mô nhỏ của cộng đồng cũng như những mối giao lưu hạn chế của vùng lân cận Nam Bộ trong thời kim khí.

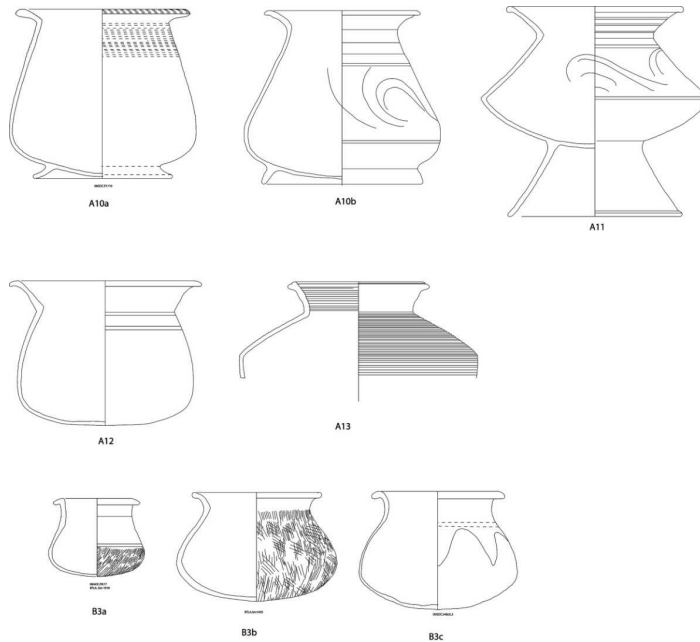
3.3. Giai đoạn tiền Óc Eo và Óc Eo sớm

3.3.1. Giai đoạn tiền Óc Eo (2.200BP - 2.000BP)

Ở giai đoạn tiền Óc Eo, niên đại từ 2.200 năm cách ngày nay đến đầu Công nguyên (hay còn gọi là giai đoạn đầu thời hậu kỳ kim khí), ngoài một số loại hình nôi chất liệu thô có văn thừng, sưu tập còn lại cho thấy có nhiều sự thay đổi. Đáng chú ý là sự xuất hiện loại gốm xương đen mịn ở

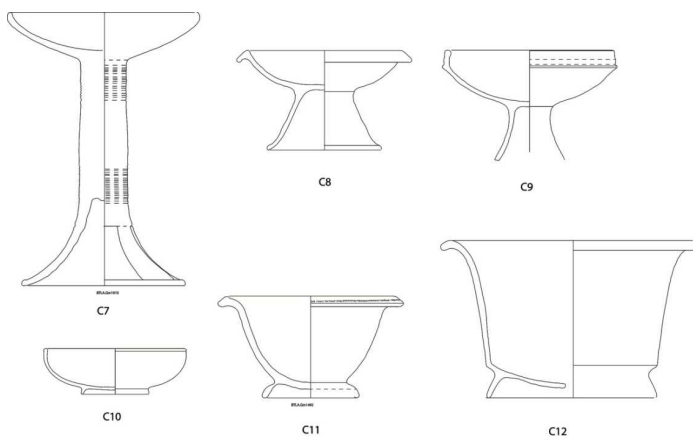
các loại bát bồng và bình vò hình dáng có sự quy chuẩn cao. Đồ gốm giai đoạn này, chủ yếu phục dựng được qua sưu tập đồ tùy táng của di tích Gò Ô Chùa (Ngô Thế Phong và Bùi Phát Diệm 1997).

Hình 6. Các loại hình gốm giai đoạn tiền Óc Eo (2.200BP-2.000BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

Hình 7. Các loại hình gốm giai đoạn tiền Óc Eo (2.200BP-2.000BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

Phổ biến trong sưu tập tùy táng của Gò Ô Chùa là các loại: bình vai xuôi, vành miệng loe xiên, thân bầu dục, chân đế choãi. Trên vai có họa tiết khắc vạch chữ S vòng cung nối nhau hoặc nhiều đường ren song song

(A10); bình vai gãy, có vành miệng loe xiên, vai xuôi gãy, trang trí các họa tiết chữ S nằm ngang (A11); bình thân chuông, miệng loe, thành miệng cao, hơi bẻ nhẹ, thân hình chuông, đáy tương đối phẳng (A12); bình cổ đứng, miệng hơi loe, mép miệng phẳng và có một đường chỉ chìm ở giữa (A13); nồi thân cầu, kích thước nhỏ, miệng loe cong, gần như không có cổ, thân nở cầu, phần eo cổ có trang trí chỉ chìm hoặc sóng nước, thân dưới có văn thừng (B3); bát mâm bồng chân trụ, đĩa bồng hình chóp nón, thân hình trụ đặc, hai đầu trang trí bởi hai nhóm đường ren song song, chân đế choãi, trang trí khắc vạch chạy đứng từ trên xuống (C7); bát bồng chân loe, lòng nông, miệng thường bẻ ngang, thân cong hình chỏm cầu, chân đế choãi, dáng vững chãi (C8); bát nông lòng, chân đế thấp dáng gần giống bát hiện

đại (C10); bát dáng hình chồm cầu, thuôn lòng, mép tròn, bẻ ra ngoài tạo gờ hẹp, trên gờ mép có trang trí văn vạch ngắn nối tiếp nhau (C11); chậu có dáng trụ, miệng loe cong, lòng sâu, đáy lõm, chân đế thấp (C12).

Sưu tập gốm tùy táng thời hậu kỳ kim khí của Gò Ô Chùa, tuy có một số hoa văn liên tục từ thời kỳ trước đó, như các đường song song lượn sóng kết hợp với dải văn thừng ở phần vai của bình nổi, nhưng nhìn chung trang trí và hình dạng bao gồm nhiều kiểu dáng mới và khá khó để tìm ra các loại tiền thân. Bên cạnh đó, tổ hợp văn hóa của thời kỳ này cũng có nhiều yếu tố mới như các hạt chuỗi bằng thủy tinh, đá quý và công cụ sắt. Vì vậy, không thể phủ nhận rằng phong cách văn hóa thời hậu kỳ kim khí ở vùng Vàm Cỏ có kết quả từ việc kết hợp các yếu tố bản địa và ngoại lai.

Từ khoảng 500 năm trước Công nguyên đến 200 năm đầu Công nguyên, các mạng lưới tương tác đường dài và giao lưu văn hóa qua vùng Đông Nam Á đã được mở rộng và tăng cường. Ở Đông Nam Á lục địa, giai đoạn này cũng tương ứng với sự biến đổi về văn hóa và chính trị sâu sắc, đặc trưng bởi sự nổi lên của các hình thức chính trị tập trung và các đô thị - cảng thị sớm. Nó như một hệ quả tất yếu của những kết nối các vùng duyên hải, xung quanh Biển Đông và Ấn Độ Dương (Ian Glover 1990).

Ở Nam Bộ Việt Nam tương tác đường dài được chứng thực bởi sự lưu thông của các hàng hóa có giá trị, với công

nghệ và phong cách trước đây chưa được biết đến trong khu vực. Các di vật khảo cổ khác nhau, trao đổi hoặc bắt chước, bao gồm hạt chuỗi thủy tinh, đồ trang sức bằng nephrite và carnelian, cũng như các đồ tạo tác bằng kim loại khác như đồ trang sức bằng vàng, trống đồng Đông Sơn, đồ tạo tác bằng đồng thiếc, gương đồng kiểu Hán. Những yếu tố ngoại sinh làm cho bức tranh Nam Bộ thời hậu kỳ kim khí đa dạng và phức tạp hơn, với những ngành nghề thủ công chuyên môn hóa như chế tạo đồ trang sức bằng đá quý, thủy tinh và vàng đan xen cùng các trung tâm làm gốm và luyện kim. Nhiều di chỉ đã thể hiện rất rõ các hoạt động thương mại - buôn bán đa phương với bên ngoài. (Bùi Chí Hoàng và nnk 2015, 2010; Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền và nnk 1998). Các động lực ngoại sinh cũng làm chia tách di chỉ hậu kỳ vùng hạ lưu sông Mê Kông thành hai nhóm chính:

Nhóm di tích đậm nét địa phương bao gồm các di tích vùng Vàm Cỏ, có những di chỉ địa tầng rất dày, sự phát triển nội tại sớm và muộn được chứng minh bởi sự phát triển của đồ gốm. Ở lớp muộn của các di tích này, những đồ tạo tác mang tính thương mại đã có mặt, nhưng không đáng kể và chưa thể hiện sự trao đổi buôn bán thường xuyên.

Andreas Reinecke (2009) khi so sánh các mộ táng của Gò Ô Chùa với các khu mộ táng thuộc thời đại đồ sắt như Prohear (Campuchia) hay Giồng Cá

Vồ (TPHCM) và Giồng Lớn (Vũng Tàu) cho thấy ở Gò Ô Chùa “nghèo nàn” hơn khi hoàn toàn thiếu các đồ đồng, vàng và bạc nhập từ nơi khác. Đồ tùy táng bình thường là đồ gốm, bên trong thỉnh thoảng có các xương cá hoặc lợn, hiếm hơn là các công cụ, vũ khí bằng sắt. Một vài các di tích sau Gò Ô Chùa như Gò Hàng, Gò Dung có các bằng chứng của xưởng chế tác đồ trang sức với các hạt chuỗi thủy tinh và các loại đá quý, cả sản phẩm tại chỗ và nhập khẩu. Chẳng hạn như các hạt chuỗi bằng thủy tinh thất hai đầu, hạt chuỗi thủy tinh và đá quý hình cầu tròn, hạt chuỗi vẽ acid (etched beads) hình chữ vạn (Swastika), cây cuộc sống và kiến thức (Asvattha); khuyên tai thủy tinh xoắn, có khe, khuyên tai bằng chì thiếc, hình tượng sư tử bằng kim loại; đồng tiền có hình voi, hình tháp và bánh xe pháp luân... (Bùi Phát Diệm và nnk 2001). Nhưng nhìn tổng thể bộ sưu tập các di vật liên quan đến giao lưu thương mại, như các con dấu kẹp chì, các loại tiền đồng, các hiện vật vàng... phát hiện khá ít. Từ những dấu vết văn hóa vật chất thu thập được, Bùi Phát Diệm (2001: 171) cũng cho rằng vùng Đồng Tháp Mười do nằm sâu trong nội địa, việc tiếp xúc với thế giới bên ngoài hầu như phải thông qua các “đầu mối đô thị”, do đó đã làm hạn chế sự phát triển của khu vực trong thời gian tương đối dài. Tại đây, các di tích cư trú thường có quy mô nhỏ, phân bố rải rác, gần như mang đặc điểm của “làng cổ” hơn là một thị tứ.

Nhóm có xu hướng phát triển kinh tế buôn bán thương mại: gồm chủ yếu là di tích vùng duyên hải Đông Nam Bộ gồm nhiều di chỉ mộ chum ở vùng Cần Giờ (TPHCM) và Bà Rịa - Vũng Tàu như Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt, Giồng Lớn. Mộ chum Phú Hòa, Dầu Giây, Hàng Gòn, Suối Chồn (Đồng Nai). Sự phong phú và đa dạng của đồ trang sức trong cụm di chỉ mộ chum này là bằng chứng quan trọng xác nhận rằng chủ nhân của nó tham gia chặt chẽ vào mạng lưới thương mại ven biển. Trong những mộ chum này, di vật tùy táng là đồ trang sức quý giá, thể hiện ngôi bậc của người chết cùng những giá trị kinh tế - tinh thần của chủ nhân mang sang thế giới bên kia, đã được tìm thấy với số lượng rất lớn (Bùi Chí Hoàng và nnk 2012; Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền và nnk 1998).

Các nghiên cứu so sánh đồ gốm từ những khu vực khác nhau, cũng bổ sung và xác nhận những nét khác biệt trong khuynh hướng giao lưu của hai nhóm di tích, vùng duyên hải và sâu trong nội địa. So sánh với các di tích đồng đại vùng cận biển (Giồng Lớn, Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt), đồ gốm khu vực Vàm Cỏ Tây ít thấy ảnh hưởng của văn hóa Sa Huỳnh và hải đảo. Các dạng gốm với văn khắc vạch hình tam giác lồng nhau, văn chấm tròn, in mép sò, trở lỗ ở chân đế... hầu như không có mặt. Truyền thống mộ quan tài chum, với các chum lớn hình cầu hay hình trứng, vốn ảnh hưởng mạnh đến khu vực ven biển Cần Giờ (Đặng Văn Thắng và nnk 1998) và

vùng đất đỏ Xuân Lộc (Lê Xuân Diệm và nnk 1991) cũng ít để lại dấu ấn ở khu vực Vàm Cỏ.

Truyền thống mai táng với quan tài chum đã xuất hiện trong nền văn hóa Sa Huỳnh ở miền Trung Việt Nam với các chum hình trụ. Tuy nhiên ở miền Nam Việt Nam, việc chôn trong quan tài chum, với các hiện vật Sa Huỳnh điển hình như khuyên tai hai đầu thú, khuyên tai ba múi và dụng cụ bằng sắt xuất hiện muộn hơn ở trung tâm. Chúng cũng cho thấy những sự khác biệt trong táng thức và loại hình chum vò với nhiều mộ hung táng trong các chum hình cầu (Bùi Chí Hoàng và nnk 2012; Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền và nnk 1998). Đây có thể là một trường hợp mở rộng của truyền thống chôn cất từ miền Trung Việt Nam và hải đảo Đông Nam Á, do sự tiếp xúc văn hóa hoặc nhập cư.

Tuy vậy, chôn cất với quan tài chum không phải là truyền thống mai táng duy nhất trong thời kim khí của miền Nam Việt Nam. Tại Giồng Cá Vồ và Gò Ô Chùa đều đã tìm thấy những khu mộ táng lớn và điều rất thú vị là phần lớn các mộ táng của Gò Ô Chùa là mộ huyết đất, chỉ có một vài mộ vò được phát hiện, tất cả đều ở lớp văn hóa sớm hơn và có hài cốt trẻ em. Các mộ huyết đất ở đây, đều là hung táng, cơ thể nằm ngửa, duỗi thẳng, hai tay đặt trước ngực hay bụng, hoặc song song với cơ thể (Ngô Thế Phong và Bùi Phát Diệm 1997). Sự khác biệt trong táng thức giữa hai địa điểm này dường như không phải chỉ theo thứ tự

thời gian mà còn là do sự khác biệt về khu vực văn hóa.

3.3.2. Giai đoạn Óc Eo sớm (2.000BP - 1.800BP)

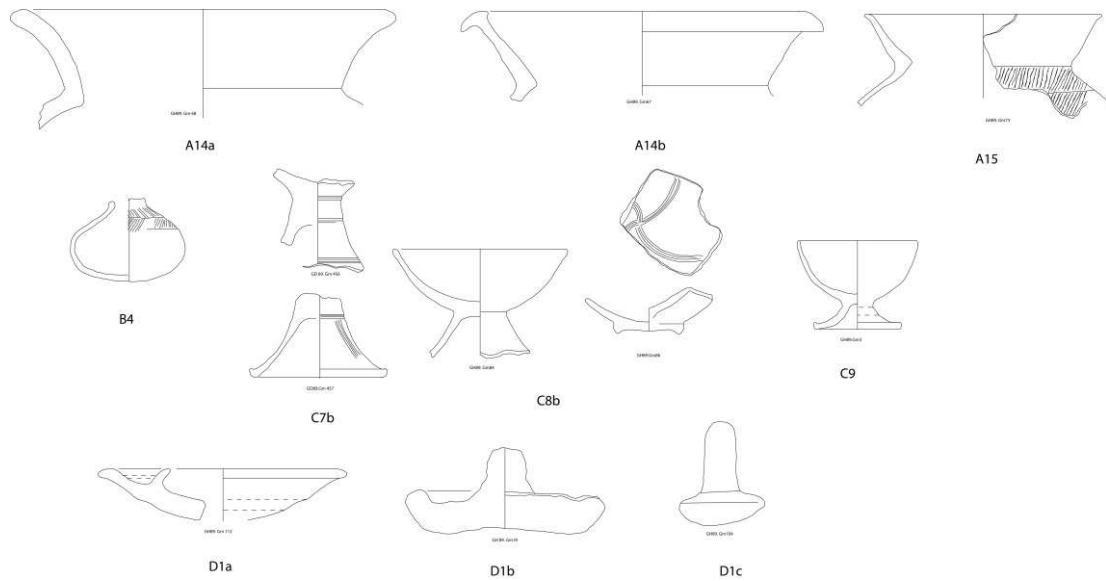
Giai đoạn cuối cùng của thời kim khí lưu vực Vàm Cỏ đại diện bởi sưu tập gốm của các di tích Gò Hàng và Gò Dung. Gốm giai đoạn này gồm hai loại chất liệu thô và mịn. Gốm thô: xương gốm có màu đen, áo thường bị bong tróc. Gốm mịn: làm bằng sét mịn lọc kỹ gồm có hai nhóm: nhóm xương đen tuyền, áo đen bóng có thể coi là đặc trưng của vùng Đồng Tháp Mười và nhóm có xương xám hoặc đỏ nhạt (đặc trưng của Óc Eo sớm) có số lượng ít (Bùi Phát Diệm và nnk 2001).

Gốm thô phổ biến là các nồi vò lớn, miệng loe xiên, thành miệng dày (A14) và nồi có thân hình cầu, miệng loe ưỡn hoặc dáng thân gãy góc miệng loe vai xuôi gấp và có dấu văn thừng phủ kín bề mặt ngoài (A15). Đồ án trang trí chủ yếu là các đường chải ren dày và các khắc vạch sóng nước bằng que nhiều răng trên vành miệng, vai nồi. Những loại tiêu biểu khác còn có các nắp đậy có hình nắm khá thô (D1b) và các bàn xoa(?) hình mũ đỉnh (D1c).

Gốm mịn xương đen có loại hình phổ biến nhất là các loại bát mâm bông chân trụ, có đĩa bông hình chóp nón, chân đế choãi (C7b) và một số ít bình cổ nhỏ, thân cầu (B4).

Giai đoạn tiền Óc Eo cũng đánh dấu bằng sự xuất hiện của các đồ gốm mịn màu cam gần với gốm thời kỳ Óc Eo sớm với các loại ly cốc và nắp

Hình 8. Các loại hình gốm giai đoạn Óc Eo sớm (2.000BP - 1.800BP)



Nguồn: Đặng Ngọc Kính 2017.

vung... Ly cốc có dáng cân, cốc hình cầu, sâu lòng, đoạn giữa eo thắt nhỏ và chân đế, dáng cao, vành đế loe choãi bẹt (C9). Nắp có dạng hình đĩa, vành cong, mép vuốt tròn, chính giữa lòng có phần nổi khum cong hình tròn, rỗng và có lỗ móc (D1a). Nắp và ly cốc có thể được chế tác bằng bàn xoay, dấu vết để lại là vòng xoắn tròn ốc và những vết gờ nhẹ song song nhau trên bề mặt.

Nếu như loại gốm thô pha cát hay thực vật được đánh giá là truyền thống của khu vực sông Đồng Nai và Nam Đông Dương, thì loại sét mịn, lọc kỹ là yếu tố mới, cho thấy những sự tiến bộ về cả kỹ thuật và tạo hình. Các loại hình gốm mịn của giai đoạn Óc Eo sớm thường có thân rất mỏng, khoảng 0,3 - 0,5cm, màu da cam bẻ mặt mềm, hình dạng tiêu chuẩn và thường giới hạn trong một một số

lượng ít các loại hình, có kích thước nhỏ, đường kính từ 6cm trở xuống và chiều cao hiếm khi vượt quá 12cm. Các bình, nắp, ly cốc... bằng sét mịn là những bằng chứng xác thực mối quan hệ trao đổi rộng rãi của vùng châu thổ Mê Kông trong những thế kỷ đầu Công Nguyên. Mảnh vỡ của các loại gốm mịn cam xuất hiện rất phổ biến trong các di chỉ cư trú có niên đại thế kỷ I - III Công nguyên như Gò Tư Trâm, Gò Cây Thị... (Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải 1995), Angkor Borei (Stark 2006). Chúng cũng xuất hiện trên một khu vực rộng, dọc theo bờ biển Việt Nam từ di tích Hòa Diêm ở vịnh Cam Ranh (Yamagata Mariko và nnk 2012), đến di tích Trà Kiệu ở thung lũng sông Thu Bồn (Yamagata Mariko 2014).

Khi so sánh với vùng tứ giác Long Xuyên, các loại gốm mịn ở các di tích

lưu vực Vàm Cỏ có số lượng ít và loại hình kém phong phú hơn. Tuy nhiên, chúng có thể là sự khác biệt về mặt niên đại mà không phải là khác biệt về khu vực văn hóa. Tập hợp gốm thô và gốm mịn xương đen của Gò Hàng và Gò Ô Chùa cho thấy mối quan hệ chặt chẽ với các di tích thời kỳ Óc Eo sớm vùng tứ giác Long Xuyên, cả trong trang trí và loại hình. Những liên hệ sâu sắc giữa hai khu vực Vàm Cỏ và tứ giác Long Xuyên cho thấy những bằng chứng chắc chắn về nhân tố nội sinh của văn hóa Óc Eo.

4. KẾT LUẬN

Các tư liệu gốm của vùng Vàm Cỏ cung cấp các bằng chứng quan trọng, chứng minh cho sự phát triển liên tục từ tiền sử đến Óc Eo. Do có sự liên tục, có thể khẳng định gốm từ các địa điểm sơ kỳ kim khí, khoảng 3.000BP có liên hệ trực tiếp từ giai đoạn đá mới ở An Sơn (Đức Hòa - Long An). Loại hình gốm trong các di tích giai đoạn kim khí điển hình, khoảng 2.800BP đến 2.400BP, có xuất hiện một số loại đồ đựng lớn, xương gốm dày, nhưng nhìn chung vẫn có tính kế thừa và cải biến từ các loại nồi miệng loe và các loại bát đĩa có chân đế của thời đá mới. Tính thống nhất tiếp nối bằng tính đa dạng nói lên truyền thống

bản địa của chúng, đồng thời gợi ý những mô hình sản xuất địa phương quy mô nhỏ của cộng đồng, cũng như những mối giao lưu hạn chế.

Trong giai đoạn tiền Óc Eo và Óc Eo sớm, niên đại 2.200BP đến đầu Công nguyên, đồ gốm có nhiều sự thay đổi trong kỹ thuật, chất liệu được tinh lọc kỹ, tạo nên xương gốm mịn đen, loại hình cũng có sự quy chuẩn cao với các loại nồi nhỏ, bình và bát bồng chân cao. Song song, còn có các loại ly cốc, nắp vung bằng sét mịn màu cam, gần với gốm thời kỳ Óc Eo, những kiểu dáng và kỹ thuật trước đây chưa được biết đến trong khu vực.

Phong cách đồ gốm thời tiền Óc Eo và Óc Eo sớm ở vùng Vàm Cỏ có kết quả từ việc kết hợp các yếu tố bản địa và ngoại lai, dưới ảnh hưởng từ các mạng lưới tương tác đường dài. Tuy vậy, vị trí địa lý nằm sâu trong nội địa đã giúp vùng Vàm Cỏ có đủ sự tĩnh lặng và thời gian để củng cố các yếu tố bản địa của mình và tiếp biến các yếu tố mới. Một cách chậm rãi và không đột ngột, các di tích tiền sử vùng trũng Đồng Tháp Mười đã thể hiện sự tiến hóa trong những loại hình mới ở giai đoạn chuyển tiếp và hình thành văn hóa Óc Eo. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Chí Hoàng, Bùi Phát Diệm, Vương Thu Hồng. 2015. *Khảo cổ học Long An thời tiền sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
2. Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Văn Quốc, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2010. *Khảo cổ học Bình Dương từ tiền sử đến sơ sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Bùi Chí Hoàng, Phạm Chí Thân, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2012. *Khảo cổ học Bà Rịa -*

Vũng Tàu. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

4. Bùi Phát Diệm, Đào Linh Côn, Vương Thu Hồng. 2001. *Khảo cổ học Long An - Những thế kỷ đầu Công nguyên*. Sở Văn hóa-Thông tin Long An - Bảo tàng tỉnh Long An.
5. Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Thị Hậu, Ngô Thế Phong, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Lân Cường. 1998. *Khảo cổ học: tiền sử và sơ sử TPHCM*. TPHCM: Nxb Trẻ.
6. Glover, Ian. 1990. *Early Trade Between India and South East Asia*. University of Hull, Centre for South-East Asian Studies.
7. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. 1995. *Văn hóa Óc Eo: những khám phá mới*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
8. Lê Xuân Diệm, Phạm Quang Sơn, Bùi Chí Hoàng, 1991. *Khảo cổ Đồng Nai*. Đồng Nai.
9. Masanari, Nishimura. 2002. "Chronology of the Neolithic Age in the Southern Vietnam". *Journal of Southeast Asian Archaeology* 22.
10. Masanari, Nishimura. 2005. "Chronology of the Metal Age in the Southern Vietnam". *Journal of Southeast Asian Archaeology* 25.
11. Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm. 1997. *Báo cáo khai quật di chỉ Gò Ô Chùa năm 1997*. Hà Nội: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam và Bảo tàng tỉnh Long An.
12. Osler, Shepard Anna. 1956. *Ceramics for the Archaeologist*. Carnegie Institution of Washington.
13. Reinecke, Andreas, Vin Laychour, Seng Sonetra. 2009. *The First Golden Age of Cambodia: Excavation at Prohear*. Bonn: German Foreign Office.
14. Stark, Miriam. 2006. *Pre-Angkorian Settlement Trends in Cambodia's Mekong Delta and the Lower Mekong Archaeological Project*. University of Hawaii.
15. Stephen, Shennan (Vũ Thị Thu Thanh dịch). 2010. "Tiến hóa trong khảo cổ học". *Tạp chí Khoa học Xã hội (TPHCM)*, số 8.
16. Yamagata, Mariko (Ed.). 2014. "The Ancient Citadel of Tra Kieu in Central Vietnam: The Site and the Pottery". *Kanazawa Cultural Resource Studies* No.14. Center for Resource Studies, Kanazawa University.
17. Yamagata, Mariko, Bùi Chí Hoàng, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, Đặng Ngọc Kính, Tawara Kanji, Watanabe Shinya, Suzuki Tomomi, Miyama Emiri, Ishii Ayako. 2012. "The Excavation of Hoa Diem in Central Vietnam". *Showa Women's University Institute of International Culture Bulletin* 17.